

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9 /2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thị xã A, Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Văn Xuân N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh H trình bày: Chị H và anh N tự nguyện kết hôn vào tháng 9 năm 2020 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A. Chị H và anh N sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về việc chăm sóc con và chuyện kinh tế gia đình, anh N không có trách nhiệm với con, bỏ mặc con trong lúc đau ốm, không chăm lo gì đối với con, anh N đã bỏ đi và chị H đã về nhà ngoại ở đến nay. Hiện nay chị H không còn chung sống với anh N nữa, nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết ly hôn với anh Văn Xuân N.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Văn K, sinh ngày 25/7/2019, hiện cháu K đang ở với chị H. Chị H yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, mặt khác anh N cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên không có ý kiến của anh N trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với anh Văn Xuân N; Địa chỉ: Tổ 3, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tại phiên tòa bị đơn anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh N có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không hàn gắn được. Không ai còn quan tâm lo lắng cho ai, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H xin được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H, từ khi biết chị H làm đơn ly hôn đến nay anh N không có biện pháp gì để xoa dịu mâu thuẫn vợ chồng để chị H rút đơn khởi kiện về đoàn tụ, như vậy có thể thấy anh N không quan tâm đến việc hòa giải để giảm thiểu mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, duy trì hạnh phúc vợ chồng, anh N và chị H đã ly thân không còn chung sống và không chăm sóc, lo lắng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nên tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N như vậy là trầm trọng, chị H xin ly hôn với anh N là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có con là cháu Văn K, sinh ngày 25/7/2019, hiện cháu K đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu K hiện đang do chị H nuôi dưỡng, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, nên giao cho chị H nuôi là phù hợp. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều

56, Điều 57, Điều 80, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Huỳnh H:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh H ly hôn với anh anh Văn Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Văn K, sinh ngày 25/7/2019, cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng trong khi cháu K chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Huỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010087 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (21/9/2021) nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn 15 ngày được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường T, thị xã A;
(để ghi vào sổ hộ tịch ĐKKH số 74/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

